

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ
TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

| | Trang |
|--|---------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 - 03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 - 05 |
| Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán | 06 - 40 |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 06 - 08 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 09 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 10 - 11 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng | 12 - 40 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|---------------------|------------|--|
| Ông: Đỗ Hữu Hạ | Chủ tịch | |
| Ông: Vũ Trọng Long | Thành viên | |
| Ông: Đỗ Hữu Hưng | Thành viên | |
| Bà: Nguyễn Thị Hà | Thành viên | |
| Bà: Phạm Hồng Dung | Thành viên | (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2017) |
| Ông: Phạm Mạnh Hùng | Thành viên | (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2017) |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|-----------------------|-------------------|--------------------------------------|
| Ông: Đỗ Hữu Hạ | Tổng Giám đốc | |
| Bà: Trần Thị Hoàng Hà | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông: Đỗ Hữu Hậu | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông: Đỗ Hữu Hưng | Phó Tổng Giám đốc | (Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2017) |
| Bà: Hồ Thị Xuân Hòa | Phó Tổng Giám đốc | (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 03 năm 2018) |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|-------------------------|------------|
| Bà: Nguyễn Thị Tươi | Trưởng ban |
| Bà: Phan Thị Thu Hương | Thành viên |
| Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 05 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được lập ngày 09 tháng 05 năm 2018, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2018-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2018

Nguyễn Ngọc Lân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2018-002-1

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

11/05/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 461.817.072.077 | 662.288.128.592 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 03 | 42.258.301.290 | 305.525.150.603 |
| 111 | 1. Tiền | | 42.258.301.290 | 57.247.470.603 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | 248.277.680.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 04 | 38.000.000.000 | 39.200.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 38.000.000.000 | 39.200.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 48.169.821.803 | 79.998.502.068 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 05 | 21.506.135.859 | 75.190.498.472 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 06 | 19.985.694.123 | 3.754.494.228 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 07 | 6.677.991.821 | 1.053.509.368 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 08 | 332.818.466.702 | 237.559.712.584 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 332.818.466.702 | 237.559.712.584 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 570.482.282 | 4.763.337 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 565.718.945 | - |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 1.763.337 | 1.763.337 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 16 | 3.000.000 | 3.000.000 |



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018
(tiếp theo)

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/03/2018 VND | 01/04/2017 VND |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 3.938.119.515.583 | 3.306.739.993.094 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 74.526.520.945 | 77.331.566.857 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 10 | 21.415.848.797 | 24.022.058.386 |
| 222 | - Nguyên giá | | 51.245.753.241 | 51.857.156.877 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (29.829.904.444) | (27.835.098.491) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 11 | 53.110.672.148 | 53.309.508.471 |
| 228 | - Nguyên giá | | 56.329.385.890 | 56.329.385.890 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (3.218.713.742) | (3.019.877.419) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 12 | 254.322.175.740 | 257.116.614.196 |
| 231 | - Nguyên giá | | 271.141.197.992 | 271.141.197.992 |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (16.819.022.252) | (14.024.583.796) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | 09 | 176.310.266.928 | 658.147.271 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 176.310.266.928 | 658.147.271 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 04 | 3.432.960.551.970 | 2.971.460.551.970 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 1.469.409.650.000 | 1.009.409.650.000 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 1.962.050.901.970 | 1.962.050.901.970 |
| 255 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 1.500.000.000 | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | - | 173.112.800 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | - | 173.112.800 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 4.399.936.587.660 | 3.969.028.121.686 |

2001
CÔNG
CỔ P
HỮU T
TÀI C
HOÀN
HẠN T.

10011
CÔNG
CH NH
NG KI
AAS
KIỂM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|-------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 461.176.801.493 | 32.948.389.598 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 120.322.001.843 | 32.185.612.352 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 14 | 7.875.184.058 | 1.309.807.532 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 15 | 92.183.819.557 | 12.242.777.052 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16 | 14.422.698.951 | 11.808.560.678 |
| 315 | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 17 | 3.679.097.980 | 4.586.993.544 |
| 318 | 5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 19 | 2.023.605.234 | 2.099.877.483 |
| 322 | 6. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 137.596.063 | 137.596.063 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 340.854.799.650 | 762.777.246 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 18 | 298.249.160.450 | 762.777.246 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 13 | 42.605.639.200 | - |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 3.938.759.786.167 | 3.936.079.732.088 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 20 | 3.938.759.786.167 | 3.936.079.732.088 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 3.629.940.140.000 | 3.629.940.140.000 |
| 411a | Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết | | 3.629.940.140.000 | 3.629.940.140.000 |
| 415 | 2. Cổ phiếu quỹ | | (219.996.488.178) | - |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 528.816.134.345 | 306.139.592.088 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | 15.744.380.888 | - |
| 421b | LNST chưa phân phối năm nay | | 513.071.753.457 | 306.139.592.088 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 4.399.936.587.660 | 3.969.028.121.686 |

Lập, ngày 09 tháng 05 năm 2018

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



179
3 TY
HÀN
DỊCH
HÌNH
3 HUY
PHẢI

05 - C.1
Y
ƯU HẠN
TOÁN
P. H. A. N. C.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 VND | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 VND |
|-------|--|-------------|--|--|
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 22 | 1.682.024.961.765 | 1.281.933.021.798 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 23 | 4.173.245.091 | 3.409.090.910 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.677.851.716.674 | 1.278.523.930.888 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 24 | 1.252.801.169.107 | 1.004.778.907.377 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 425.050.547.567 | 273.745.023.511 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 25 | 193.682.800.663 | 350.739.224.452 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 26 | 3.242.464.627 | 129.202.029 |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 3.231.856.257 | - |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 27 | 5.693.234.105 | 4.040.511.182 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 28 | 11.390.997.587 | 8.488.426.552 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 598.406.651.911 | 611.826.108.200 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 29 | 5.069.519.123 | 152.236.106 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 30 | 6.739.326.569 | 97.786.201 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (1.669.807.446) | 54.449.905 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 596.736.844.465 | 611.880.558.105 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 31 | 83.665.091.008 | 54.707.271.075 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>513.071.753.457</u> | <u>557.173.287.030</u> |

Lập, ngày 09 tháng 05 năm 2018

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 VND | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 VND |
|---|--|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 596.736.844.465 | 611.880.558.105 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | (184.822.338.110) | (345.274.677.474) |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 5.629.779.270 | 5.616.601.371 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | - | (922.680.000) |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 3.462.218 | (119.311) |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (193.687.435.855) | (349.896.238.816) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | 3.231.856.257 | - |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | (72.240.718) |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 411.914.506.355 | 266.605.880.631 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 37.629.852.946 | (55.308.058.976) |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | (95.258.754.118) | (133.559.190.308) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | 382.974.951.556 | (90.616.562.670) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | (392.606.145) | (106.446.136) |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (3.231.856.257) | - |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (87.038.697.196) | (45.142.934.219) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | - | (107.527.300) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 646.597.397.141 | (58.234.838.978) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (175.970.506.701) | (19.303.281.908) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 180.000.000 | - |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (171.800.000.000) | (737.372.000.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 171.500.000.000 | 781.347.000.000 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (460.000.000.000) | (2.265.060.551.970) |
| 27 | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 194.015.782.643 | 349.757.306.358 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (442.074.724.058) | (1.890.631.527.520) |

1179
NG TY
PHÂN
DỊCH
CHÍNH
HUY
T.P.H

01001
CÔNG
CH NHIỆM
IG KIỂM
AAS
SIEM-T

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Từ 01/04/2017 | Từ 01/04/2016 |
|--|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | đến 31/03/2018 | đến 31/03/2017 |
| | | | VND | VND |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | 2.099.945.720.000 |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | (219.996.488.178) | - |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | | 269.442.633.424 | - |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | | (226.836.994.224) | - |
| 36 | 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (290.395.211.200) | - |
| 40 | <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | | <i>(467.786.060.178)</i> | <i>2.099.945.720.000</i> |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (263.263.387.095) | 151.079.353.502 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 305.525.150.603 | 154.445.677.790 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (3.462.218) | 119.311 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 03 | <u>42.258.301.290</u> | <u>305.525.150.603</u> |

Lập, ngày 09 tháng 05 năm 2018

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; tương đương 362.994.014 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán ô tô, xe máy;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất ô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khách; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

- Hoạt động phân phối xe đầu kéo nhập khẩu của Mỹ được Công ty bắt đầu triển khai từ tháng 7 năm 2015 và ngày càng phát triển mạnh, dẫn tới doanh thu năm nay của Công ty tăng gần 34% so với năm trước. Tuy nhiên, do doanh thu hoạt động tài chính của Công ty giảm so với năm trước (nguyên nhân chủ yếu do khoản cổ tức nhận được từ Công ty con - Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt) dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với năm trước.
- Công ty đang hợp tác với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS - Công ty liên kết) để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. Do đó, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và nợ phải trả về hợp tác kinh doanh tại ngày 31/3/2018 tăng lên đáng kể so với cùng thời điểm năm trước. Xem thêm thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 9 và 18.
- Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy thực hiện góp vốn thành lập công ty con - Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp để xây dựng dự án HH3, HH4 Đồng Quốc Bình tại Thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết số 09/2017/NĐ-HĐQT ngày 03/11/2017.

Cấu trúc doanh nghiệp

| Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|--|----------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội | Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội | Kinh doanh bất động sản |
| Địa điểm kinh doanh số 1 | Km 9 Quốc lộ 5 mới, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng | Sản xuất thùng xe tải |

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là: Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 26 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | không trích khấu hao |
| - Phần mềm quản lý | 08 năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 26 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | không trích khấu hao |

2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC. Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thông báo từ BCC.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Riêng đối với các khoản vay phục vụ mục đích xây dựng, cải tạo các Chung cư cũ và theo Phương án tài chính của Hợp đồng BT, lãi vay sẽ được khấu trừ dần theo giá trị của diện tích đất được UBND Thành phố giao để thực hiện dự án khác và được Công ty ghi nhận là khoản Phải thu khác.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|---------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 624.301.101 | 693.844.193 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 41.634.000.189 | 56.553.626.410 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 248.277.680.000 |
| | <u>42.258.301.290</u> | <u>305.525.150.603</u> |

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/03/2018 | | 01/04/2017 | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | 38.000.000.000 | 38.000.000.000 | 39.200.000.000 | 39.200.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (1) | 38.000.000.000 | 38.000.000.000 | 39.200.000.000 | 39.200.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - | - |
| - Tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng (1) | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 | - | - |
| | 39.500.000.000 | 39.500.000.000 | 39.200.000.000 | 39.200.000.000 |

(1) Tại ngày 31/03/2018, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 18 tháng có tổng giá trị 39,5 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 6,2%/năm đến 7%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng và lãi suất 7,5% đối với kỳ hạn 18 tháng.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/03/2018 | | 01/04/2017 | |
|--|--------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào Công ty con | 1.469.409.650.000 | - | 1.009.409.650.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | 1.009.409.650.000 | - | 1.009.409.650.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Xây Dựng Thịnh Hiệp (*) | 460.000.000.000 | - | - | - |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | 1.962.050.901.970 | - | 1.962.050.901.970 | - |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu | 266.000.000.000 | - | 266.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | 134.400.000.000 | - | 134.400.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | 312.000.000.000 | - | 312.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang | 252.000.000.000 | - | 252.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | 223.200.000.000 | - | 223.200.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | 774.450.901.970 | - | 774.450.901.970 | - |
| | 3.431.460.551.970 | - | 2.971.460.551.970 | - |

(*): Theo Nghị quyết số 09/2017/NĐ-HĐQT ngày 03/11/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp với tổng vốn góp là 460 tỷ đồng. Ngày 04/11/2017, Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đến thời điểm ngày 31/03/2018, Công ty đã chuyển đủ số tiền góp vốn theo cam kết là 460 tỷ đồng.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên doanh, liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 37.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2018 như sau:

| Tên công ty con | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--------------------------------------|----------------------------|---------------|------------------------|----------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | Thành phố Hà Nội | 99,997% | 99,997% | Đầu tư bất động sản |
| Công ty Cổ phần Xây Dựng Thịnh Hiệp | Thành phố Hải Phòng | 95,83% | 95,83% | Đầu tư xây dựng |

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2018 như sau:

| Tên công ty liên doanh, liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|-------------------------------------|---------------|------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu | Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng | 47,50% | 47,50% | Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản. |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng | 48,00% | 48,00% | Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản. |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng | 48,00% | 48,00% | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, kinh doanh bất động sản. |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang | Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng | 45,00% | 45,00% | Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản, vận tải, .. |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng | 46,50% | 46,50% | Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, xe máy, kinh doanh bất động sản. |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng | 36,58% | 36,58% | Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan. |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu | - | 20.718.015.000 |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | - | 3.761.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | - | 9.804.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam | - | 14.097.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | - | 8.193.500.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang | - | 5.554.000.000 |
| - Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star | 3.657.000.000 | 4.891.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp | 3.603.800.000 | 3.627.500.000 |
| - Navistar, Inc | 9.947.121.275 | - |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 4.298.214.584 | 4.544.483.472 |
| | 21.506.135.859 | 75.190.498.472 |
| b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan | 3.663.800.000 | 69.290.605.055 |
| <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i> | | |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/03/2018 | | 01/04/2017 | |
|---|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam | 2.097.813.050 | - | 500.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Xây lắp điện Nam Phong | 4.196.063.000 | - | - | - |
| - NAVISTAR, INC | 11.325.257.849 | - | - | - |
| - Các khoản trả trước người bán khác | 2.366.560.224 | - | 3.254.494.228 | - |
| | 19.985.694.123 | - | 3.754.494.228 | - |

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

| | 31/03/2018 | | 01/04/2017 | |
|---|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Phải thu về dự lãi tiền gửi | 677.991.821 | - | 1.033.088.056 | - |
| - Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng (1) | 6.000.000.000 | - | - | - |
| - Phải thu khác | - | - | 20.421.312 | - |
| | 6.677.991.821 | - | 1.053.509.368 | - |

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Đầu tư Cải tạo, Xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Dự án Đồng Quốc Bình cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được Trung tâm Phát triển Quỹ đất hoàn trả cho Công ty sau khi Kho bạc Nhà nước giải ngân kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo phương án đã được phê duyệt.

8. HÀNG TỒN KHO

| | 31/03/2018 | | 01/04/2017 | |
|--------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| - Hàng mua đang đi đường | - | - | 86.978.531.071 | - |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 775.827.200 | - | 114.618.525 | - |
| - Công cụ, dụng cụ | - | - | 35.865.904 | - |
| - Thành phẩm | 152.885.041.243 | - | 31.835.592.595 | - |
| - Hàng hóa | 25.974.450.715 | - | 12.830.168.096 | - |
| - Hàng gửi bán | 153.183.147.544 | - | 105.764.936.393 | - |
| | 332.818.466.702 | - | 237.559.712.584 | - |

9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|---|------------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Dự án bất động sản đang triển khai | | |
| + Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi (1) | 77.636.378.344 | 658.147.271 |
| + Dự án Bất động sản Hoang Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng (2) | 82.267.089.978 | - |
| + Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (3) | 4.906.910.572 | - |
| + Dự án khu thương mại và nhà ở Hoang Huy Mall tại Phường Kênh Dương, Phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng (4) | 8.095.640.368 | - |
| + Dự án Trung tâm dịch vụ Thương mại Cánh Diều (5) | 2.271.195.030 | - |
| + Dự án đầu tư khác | 640.124.273 | - |
| - Xây dựng cơ bản dở dang | | |
| + Xưởng sửa chữa bảo hành và Showroom ô tô | 492.928.363 | - |
| | 176.310.266.928 | 658.147.271 |

(1) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi tại Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) số 01/2017/HĐBT ngày 05/04/2017 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng-(đại diện ký kết hợp đồng là Sở xây dựng thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 109.627.000.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ tháng 04/2017 và dự kiến hoàn thành vào ngày 30/11/2018;
- Tình trạng dự án đến 31/03/2018: Dự án đã bàn giao 2 tòa nhà 6 tầng và 126 căn hộ cho Sở Xây dựng đưa vào sử dụng và tái định cư trở lại cho các hộ dân;

(2) Dự án Bất động sản Hoang Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng phê duyệt chủ trương theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 16/03/2018 với các thông tin chi

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.064.000.000.000 đồng;
- Phương thức thực hiện dự án: hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (xem thêm thuyết minh số 18);

- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ quý I năm 2018 và dự kiến hoàn thành vào quý 1 năm 2023;
 - Tình trạng dự án đến 31/03/2018: Dự án đang trong giai đoạn phá dỡ âu đê và nhà xưởng;
- (3) Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (tên đầy đủ Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Công trình Goldenland 5, xây dựng chung cư HH3-HH4 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền) tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT) với các thông tin chi tiết sau:
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
 - Tổng mức đầu tư dự án: 1.712.263.286.000 đồng;
 - Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào ngày 05/03/2018 và dự kiến hoàn thành sau 24 tháng kể từ ngày mặt bằng đã được đền bù, giải phóng và bàn giao cho nhà đầu tư;
 - Tình trạng dự án đến 31/03/2018: Dự án đang trong giai đoạn triển khai phân cọc đại trà;
- (4) Dự án khu thương mại và nhà ở HoanghuyMall tại phường Kênh Dương, phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng với các thông tin chi tiết sau:
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
 - Tổng mức đầu tư dự án: 605.045.863.000 đồng;
 - Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ quý I năm 2018 và dự kiến hoàn thành vào quý 1 năm 2023;
 - Tình trạng dự án đến 31/03/2018: Dự án đang trong giai đoạn bồi thường giải phóng mặt bằng, đã phát sinh các chi phí như lập hồ sơ cấp phép, chi phí thiết kế, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng...
- (5) Dự án Trung tâm dịch vụ Thương mại Cánh Diều với mục đích xây dựng nhà trưng bày sản phẩm tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng với các thông tin chi tiết sau:
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
 - Tình trạng dự án đến 31/03/2018: Dự án đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai, đã phát sinh các chi phí như chi phí lập hồ sơ cấp phép, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng...

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | TSCĐ dùng trong quản lý | TSCĐ hữu hình khác | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 40.136.565.238 | 2.210.114.096 | 8.663.227.727 | 771.340.316 | 75.909.500 | 51.857.156.877 |
| - Mua trong năm | - | - | - | 183.545.455 | - | 183.545.455 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (794.949.091) | - | - | (794.949.091) |
| Số dư cuối năm | 40.136.565.238 | 2.210.114.096 | 7.868.278.636 | 954.885.771 | 75.909.500 | 51.245.753.241 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 19.271.671.455 | 2.157.212.143 | 6.009.040.341 | 352.894.010 | 44.280.542 | 27.835.098.491 |
| - Khấu hao trong năm | 1.540.414.189 | 37.969.991 | 844.811.625 | 181.679.728 | 31.628.958 | 2.636.504.491 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | (641.698.538) | - | - | (641.698.538) |
| Số dư cuối năm | 20.812.085.644 | 2.195.182.134 | 6.212.153.428 | 534.573.738 | 75.909.500 | 29.829.904.444 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 20.864.893.783 | 52.901.953 | 2.654.187.386 | 418.446.306 | 31.628.958 | 24.022.058.386 |
| Tại ngày cuối năm | 19.324.479.594 | 14.931.962 | 1.656.125.208 | 420.312.033 | - | 21.415.848.797 |

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.867.428.263 đồng.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Chương trình phần mềm VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 56.217.489.700 | 111.896.190 | 56.329.385.890 |
| Số dư cuối năm | 56.217.489.700 | 111.896.190 | 56.329.385.890 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 2.907.981.229 | 111.896.190 | 3.019.877.419 |
| - Khấu hao trong năm | 198.836.323 | - | 198.836.323 |
| Số dư cuối năm | 3.106.817.552 | 111.896.190 | 3.218.713.742 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 53.309.508.471 | - | 53.309.508.471 |
| Tại ngày cuối năm | 53.110.672.148 | - | 53.110.672.148 |

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

| | Quyền sử dụng đất (1) VND | Nhà cửa, vật kiến trúc (1) VND | Cộng VND |
|-------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 195.000.000.000 | 76.141.197.992 | 271.141.197.992 |
| Số dư cuối năm | 195.000.000.000 | 76.141.197.992 | 271.141.197.992 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 14.024.583.796 | 14.024.583.796 |
| - Khấu hao trong năm | - | 2.794.438.456 | 2.794.438.456 |
| Số dư cuối năm | - | 16.819.022.252 | 16.819.022.252 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Tại ngày đầu năm | 195.000.000.000 | 62.116.614.196 | 257.116.614.196 |
| Tại ngày cuối năm | 195.000.000.000 | 59.322.175.740 | 254.322.175.740 |

(1): Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 183 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và một phần nhà cửa, phân xưởng cho thuê tại thành phố Hải Phòng theo phương thức cho thuê thu tiền hàng

13. CÁC KHOẢN VAY

| | 01/04/2017 | | Trong năm | | 31/03/2018 | |
|---|------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | - | - | 226.836.994.224 | 226.836.994.224 | - | - |
| | - | - | 226.836.994.224 | 226.836.994.224 | - | - |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (1) | - | - | 42.605.639.200 | - | 42.605.639.200 | 42.605.639.200 |
| | - | - | 42.605.639.200 | - | 42.605.639.200 | 42.605.639.200 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | - | - | - | - | - | - |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | - | - | - | - | 42.605.639.200 | 42.605.639.200 |

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 371/2017/HĐTD/PHG/01 ngày 7/8/2017 bao gồm các điều khoản sau:

+ Số tiền vay: 93.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Thanh toán chi phí thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

+ Thời hạn cho vay: Từ ngày giải ngân đến 30/06/2019;

+ Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;

+ Phương thức bảo đảm: Đảm bảo bằng quyền tài sản hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U 1, U2, U3 Lê Lợi, quận Ngô Quyền số 01/2017/HĐBT giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy ngày 05/04/2017;

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/03/2018 là 42.605.639.200 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/03/2018 | | 01/04/2017 | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| - Công ty TNHH Xây dựng Lê Quân | 348.537.620 | 348.537.620 | 348.537.620 | 348.537.620 |
| - Công ty TNHH MTV Ô tô Trung Việt | - | - | 287.169.094 | 287.169.094 |
| - Công ty TNHH Thương mại và Chi nhánh Tàu thủy Anh Đức | - | - | 240.223.500 | 240.223.500 |
| - Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn | 1.136.723.200 | 1.136.723.200 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234 | 6.253.341.600 | 6.253.341.600 | - | - |
| - Phải trả các đối tượng khác | 136.581.638 | 136.581.638 | 433.877.318 | 433.877.318 |
| | 7.875.184.058 | 7.875.184.058 | 1.309.807.532 | 1.309.807.532 |

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | 38.642.500.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam | 14.934.500.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | 9.056.499.999 | - |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | 6.314.500.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu | 5.957.785.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn | - | 1.400.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | - | - |
| - Công ty TNHH Ô tô Hồng Sơn Star Đà Nẵng | - | 300.000.000 |
| - Các khoản người mua trả tiền trước khác | 17.278.034.558 | 10.542.777.052 |
| | 92.183.819.557 | 12.242.777.052 |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| - Thuế giá trị gia tăng | - | 1.476.641.729 | 12.455.313.502 | 6.477.031.925 | - | 7.454.923.306 |
| - Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 69.517.146.030 | 69.517.146.030 | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 10.317.304.272 | 83.665.091.008 | 87.038.697.196 | - | 6.943.698.084 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 14.614.677 | 14.576.666.885 | 14.567.204.001 | - | 24.077.561 |
| - Thuế nhà đất, tiền thuế đất | - | - | 806.661.744 | 806.661.744 | - | - |
| - Các loại thuế khác | 3.000.000 | - | 3.000.000 | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | - | - | - | - |
| | 3.000.000 | 11.808.560.678 | 181.023.879.169 | 178.409.740.896 | 3.000.000 | 14.422.698.951 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà văn phòng cho thuê tại 183 Bà Triệu, Hà Nội | 3.679.097.980 | 4.586.993.544 |
| | 3.679.097.980 | 4.586.993.544 |

18. PHẢI TRẢ KHÁC DÀI HẠN

| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|---|------------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 1.008.477.246 | 762.777.246 |
| - Các khoản phải trả phải nộp khác | 297.240.683.204 | - |
| <i>Nhận tiền góp vốn kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (1)</i> | 297.150.000.000 | - |
| <i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i> | 90.683.204 | - |
| | 298.249.160.450 | 762.777.246 |

(1): Nhận góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 168/HTKD ngày 16/08/2017 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) với các điều khoản chi

- Mục đích hợp tác kinh doanh: hợp tác kinh doanh Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình và Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Riverside;
- Các bên tham gia và tỷ lệ góp vốn:
 - + Tổng mức đầu tư dự tính của các dự án là hơn 2.800 tỷ đồng;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) góp 500 tỷ đồng bằng tiền;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) góp phần còn lại bằng tiền, quyền khai thác dự án, quyền sử dụng đất tại các dự án. Đồng thời, Công ty (TCH) là đơn vị chịu trách nhiệm kế toán cho Hợp đồng hợp tác
- Trách nhiệm của các bên:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) có trách nhiệm góp đủ số vốn cam kết theo tiến độ do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) thông báo, tham gia ý kiến trong việc điều hành, quản lý dự án, tiêu thụ sản phẩm của dự án;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án, điều hành mọi hoạt động của dự án, quyết định giá bán sản phẩm, chuyển lợi nhuận và hoàn trả vốn góp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) theo quy định của hợp đồng;
- Phân chia kết quả: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) được hưởng 25% lợi nhuận sau thuế của dự án Hoàng Huy Riverside hàng năm, phần còn lại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) được (Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9).

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản | 2.023.605.234 | 2.099.877.483 |
| | 2.023.605.234 | 2.099.877.483 |

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của Chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 1.200.000.000.000 | - | 79.068.252.358 | 1.279.068.252.358 |
| Tăng vốn trong năm trước | 2.099.945.720.000 | - | - | 2.099.945.720.000 |
| Lãi trong năm trước | - | - | 557.173.287.030 | 557.173.287.030 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 329.994.420.000 | - | (329.994.420.000) | - |
| Giảm khác | - | - | (107.527.300) | (107.527.300) |
| Số dư cuối năm trước | 3.629.940.140.000 | - | 306.139.592.088 | 3.936.079.732.088 |
| Số dư đầu năm nay | 3.629.940.140.000 | - | 306.139.592.088 | 3.936.079.732.088 |
| Lãi trong năm nay | - | - | 513.071.753.457 | 513.071.753.457 |
| Tăng cổ phiếu quỹ (1) | - | (219.996.488.178) | - | (219.996.488.178) |
| Phân phối lợi nhuận (2) | - | - | (290.395.211.200) | (290.395.211.200) |
| Số dư cuối năm nay | 3.629.940.140.000 | (219.996.488.178) | 528.816.134.345 | 3.938.759.786.167 |

(1) Trong năm, Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết số 10/2017/NĐ-HĐQT ngày 18/11/2017 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 11 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 31/03/2018, Công ty đã mua thành công 9.722.450 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 219.996.488.178 đồng theo phương thức giao dịch khớp lệnh.

(2) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

| | Số tiền VND |
|---|-----------------|
| Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 đồng) | 290.395.211.200 |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Cuối năm VND | Tỷ lệ % | Đầu năm VND | Tỷ lệ % |
|--|--------------------------|-------------|--------------------------|-------------|
| - Ông Đỗ Hữu Hạ | 1.510.836.250.000 | 41,62% | 1.510.836.250.000 | 41,62% |
| - Ông Đỗ Hữu Hậu | 181.500.000.000 | 5,00% | 181.500.000.000 | 5,00% |
| - Cổ đông khác | 1.840.379.390.000 | 50,70% | 1.937.603.890.000 | 53,38% |
| - Cổ phiếu quỹ mua lại của các cổ đông | 97.224.500.000 | 2,68% | - | 0,00% |
| | 3.629.940.140.000 | 100% | 3.629.940.140.000 | 100% |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 3.629.940.140.000 | 1.200.000.000.000 |
| - <i>Vốn góp tăng trong năm</i> | - | 2.429.940.140.000 |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 3.629.940.140.000 | 3.629.940.140.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | | |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | 290.395.211.200 | 329.994.420.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 362.994.014 | 362.994.014 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 362.994.014 | 362.994.014 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 362.994.014 | 362.994.014 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 9.722.450 | - |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 9.722.450 | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 353.271.564 | 362.994.014 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 353.271.564 | 362.994.014 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND): | 10.000 | 10.000 |

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

| | Đơn vị tính | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|------------|-------------|------------|------------|
| - Đô la Mỹ | USD | 1.653,99 | 1.618,68 |
| - Euro | EUR | 8,95 | 8,95 |

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.721.756.456 | 20.638.848.345 |
| Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô | 32.964.818.180 | 33.983.909.091 |
| Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện thu hồi | 1.629.266.952.196 | 1.212.054.727.101 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 17.071.434.933 | 15.255.537.261 |
| | 1.682.024.961.765 | 1.281.933.021.798 |
| Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37) | 1.491.293.096.096 | 1.074.909.567.010 |

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| - Giảm giá hàng bán | 3.682.336.000 | - |
| - Hàng bán bị trả lại | 490.909.091 | 3.409.090.910 |
| | 4.173.245.091 | 3.409.090.910 |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa | 2.189.076.677 | 19.741.359.391 |
| Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán | 25.830.350.865 | 26.741.499.532 |
| Giá vốn của Ô tô đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi | 1.217.770.084.072 | 950.588.737.506 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 7.011.657.493 | 8.629.990.948 |
| Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (922.680.000) |
| | 1.252.801.169.107 | 1.004.778.907.377 |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 8.666.236.408 | 9.764.184.885 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia (1) | 184.994.450.000 | 340.132.053.931 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 22.011.399 | 842.866.325 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 102.856 | 119.311 |
| | 193.682.800.663 | 350.739.224.452 |

(1) Trong đó: Cổ tức nhận được từ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt là: 184.994.450.000 đồng.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 3.231.856.257 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 7.043.296 | 129.202.029 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 3.565.074 | - |
| | 3.242.464.627 | 129.202.029 |

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 98.000.000 | 138.875.000 |
| Chi phí nhân công | 1.911.699.552 | 1.250.034.519 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 134.577.714 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.074.151.656 | 2.544.590.208 |
| Chi phí khác bằng tiền | 474.805.183 | 107.011.455 |
| | 5.693.234.105 | 4.040.511.182 |

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | - | 91.558.524 |
| Chi phí nhân công | 2.046.916.807 | 1.940.899.496 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.752.689.239 | 2.282.596.687 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.903.329.875 | 3.669.134.260 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.688.061.666 | 504.237.585 |
| | 11.390.997.587 | 8.488.426.552 |

29. THU NHẬP KHÁC

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 180.000.000 | - |
| Hàng được cho, biếu tặng | 4.889.519.123 | 151.236.106 |
| Thu nhập khác | - | 1.000.000 |
| | 5.069.519.123 | 152.236.106 |

30. CHI PHÍ KHÁC

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 153.250.553 | - |
| Chi ủng hộ xây Nhà tường niệm Nguyễn Đức Cảnh và ủng hộ địa phương | 6.500.000.000 | - |
| Các khoản bị phạt | 83.060.575 | 97.786.201 |
| Chi phí khác | 3.015.441 | - |
| | 6.739.326.569 | 97.786.201 |

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 596.736.844.465 | 611.880.558.105 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 6.583.060.575 | 97.723.201 |
| - Chi phí không hợp lệ | 6.583.060.575 | 97.723.201 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (184.994.450.000) | (340.132.053.931) |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | (184.994.450.000) | (340.132.053.931) |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | 418.325.455.040 | 271.846.227.375 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) | <u>83.665.091.008</u> | <u>54.369.245.475</u> |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay | | 338.025.600 |
| Thuế TNDN phải nộp đầu năm | 10.317.304.272 | 752.967.416 |
| Thuế TNDN đã nộp trong năm | (87.038.697.196) | (45.142.934.219) |
| Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm | <u>6.943.698.084</u> | <u>10.317.304.272</u> |

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.411.554.088.032 | 1.017.706.895.682 |
| Chi phí nhân công | 8.607.797.812 | 6.494.818.426 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.629.779.270 | 5.616.601.371 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.209.451.958 | 6.511.016.468 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.162.866.849 | 657.326.617 |
| | <u>1.436.163.983.921</u> | <u>1.036.986.658.564</u> |

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | 31/03/2018 | | 01/04/2017 | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 42.258.301.290 | - | 305.525.150.603 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 28.184.127.680 | - | 76.244.007.840 | - |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn | 39.500.000.000 | - | 39.200.000.000 | - |
| | <u>109.942.428.970</u> | - | <u>420.969.158.443</u> | - |

| | Giá trị số kế toán | |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|
| | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
| Nợ phải trả tài chính | VND | VND |
| Vay và nợ | 42.605.639.200 | - |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 306.124.344.508 | 2.072.584.778 |
| Chi phí phải trả | 3.679.097.980 | 4.586.993.544 |
| | 352.409.081.688 | 6.659.578.322 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|------------------------|----------------------|------------|------------------------|
| Tại ngày 31/03/2018 | VND | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 42.258.301.290 | - | - | 42.258.301.290 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 28.184.127.680 | - | - | 28.184.127.680 |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn | 38.000.000.000 | 1.500.000.000 | - | 39.500.000.000 |
| | 108.442.428.970 | 1.500.000.000 | - | 109.942.428.970 |

| | Từ 1 năm trở | Trên 1 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|------------------------|------------|------------|------------------------|
| Tại ngày 01/04/2017 | VND | VND | VND | VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 305.525.150.603 | - | - | 305.525.150.603 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 76.244.007.840 | - | - | 76.244.007.840 |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn | 39.200.000.000 | - | - | 39.200.000.000 |
| | 420.969.158.443 | - | - | 420.969.158.443 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở | Trên 1 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|------------|------------------------|
| Tại ngày 31/03/2018 | xuống | đến 5 năm | VND | VND |
| | VND | VND | VND | VND |
| Vay và nợ | - | 42.605.639.200 | - | 42.605.639.200 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 7.875.184.058 | 298.249.160.450 | - | 306.124.344.508 |
| Chi phí phải trả | 3.679.097.980 | - | - | 3.679.097.980 |
| | 11.554.282.038 | 340.854.799.650 | - | 352.409.081.688 |
| Tại ngày 01/04/2017 | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 1.309.807.532 | 762.777.246 | - | 2.072.584.778 |
| Chi phí phải trả | 4.586.993.544 | - | - | 4.586.993.544 |
| | 5.896.801.076 | 762.777.246 | - | 6.659.578.322 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

| | Từ 01/04/2017 | Từ 01/04/2016 |
|---|-----------------|----------------|
| | đến 31/03/2018 | đến 31/03/2017 |
| | VND | VND |
| a) Số tiền đi vay thực thu trong năm | | |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường; | 269.442.633.424 | - |
| b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm | | |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; | 226.836.994.224 | - |

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xe đầu kéo chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

| | Mối quan hệ | Từ 01/04/2017 | Từ 01/04/2016 |
|--|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | đến 31/03/2018 | đến 31/03/2017 |
| | | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.491.293.096.096 | 1.074.909.567.010 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu | Công ty liên kết | 248.382.727.296 | 176.167.272.746 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | Công ty liên kết | 227.209.090.921 | 152.238.090.934 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | Công ty liên kết | 56.148.459.640 | 59.853.021.486 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang | Công ty liên kết | 73.212.727.276 | 70.345.454.542 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | Công ty liên kết | 93.200.909.093 | 66.036.818.178 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | Công ty con của công ty liên kết | 524.487.727.306 | 304.944.545.476 |
| | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Công ty liên kết | 33.014.818.180 | 32.894.818.181 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam | Công ty liên kết của Công ty liên kết | 114.349.545.473 | 106.720.454.558 |
| | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp | Khoản đầu tư của công ty con | 121.232.545.457 | 105.709.090.909 |
| | | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp | Công ty con | 54.545.454 | - |
| | | - | - |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | | 184.994.450.000 | 360.186.133.600 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt | Công ty con | 184.994.450.000 | 319.990.400.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Công ty liên kết | - | 40.195.733.600 |

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm

| | Mối quan hệ | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
|--|--|------------------------------|------------------------------|
| | | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | 3.663.800.000 | 69.290.605.055 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu | Công ty liên kết | - | 20.718.015.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | Công ty liên kết | - | 9.804.000.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | Công ty liên kết | - | 1.433.790.056 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang | Công ty liên kết | - | 5.554.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | Công ty liên kết | - | 8.193.500.000 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | Công ty con của công ty liên kết | - | 3.761.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Công ty liên kết | - | 2.101.799.999 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp | Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con | 3.603.800.000 | 3.627.500.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam | Công ty liên kết của Công ty liên kết | - | 14.097.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp | Công ty con | 60.000.000 | - |
| | Mối quan hệ | 31/03/2018 | 01/04/2017 |
| | | VND | VND |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 82.896.730.344 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu | Công ty liên kết | 5.957.785.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà | Công ty liên kết | 6.314.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang | Công ty liên kết | 4.145.045.344 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang | Công ty liên kết | 1.264.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng | Công ty liên kết | 9.056.499.999 | - |
| Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang | Công ty con của công ty liên kết | 38.642.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Công ty liên kết | 2.581.900.001 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam | Công ty liên kết của Công ty liên kết | 14.934.500.000 | - |
| Phải trả khác - Tiền góp vốn hợp tác đầu tư | | 297.150.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy | Công ty liên kết | 297.150.000.000 | - |
| Giao dịch với các bên liên quan khác như sau: | | | |
| | | Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 | Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 |
| | | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT | | 955.941.144 | 843.133.354 |
| <i>Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc</i> | | <i>351.120.000</i> | <i>335.220.000</i> |

